

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán chi phí khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán và cấm cọc giải phóng mặt bằng; giá các gói thầu tư vấn thuộc dự án Đường giao thông từ Quốc lộ 217 đi bản Sủa, xã Sơn Điện, huyện Quan Sơn (Chương trình 30a)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng; số 26/2016/TT-BXD ngày 26 tháng 10 năm 2016 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 1942/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, số 2110/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2020 đính chính, bổ sung nội dung Quyết định số 1942/QĐ-UBND; số 2587/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2020 phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Đường giao thông từ Quốc lộ 217 đi bản Sủa, xã Sơn Điện, huyện Quan Sơn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình 3228/TTr-SGTVT ngày 04/8/2020 về việc phê duyệt dự toán chi phí khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán và cấm cọc giải phóng mặt bằng; giá các gói thầu tư vấn thuộc dự án Đường giao thông từ Quốc lộ 217 đi bản Sủa, xã Sơn Điện, huyện Quan Sơn (chương trình 30a) kèm theo báo cáo kết quả thẩm định số 3227/SGTVT-TĐKHKT ngày 04 tháng 8 năm 2020 và của UBND huyện Quan Sơn tại Tờ trình số 77/TTr-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán chi phí khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán và cấm cọc giải phóng mặt bằng; giá các gói thầu thuộc dự án Đường giao thông từ Quốc lộ 217 đi bản Sủa, xã Sơn Điện, huyện Quan Sơn (chương trình 30a); với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Đường giao thông từ Quốc lộ 217 đi bản Sủa, xã Sơn Điện, huyện Quan Sơn (chương trình 30a).

2. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV.

3. Chủ đầu tư: UBND huyện Quan Sơn.

4. Phạm vi khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công

Tổng chiều dài khảo sát 6.063m (thiết kế nâng cấp, cải tạo 5.024m và giữ nguyên 1.039m đường hiện trạng); điểm đầu giao với đường Quốc lộ 217 tại Km159+730; điểm cuối Km6+063 tại ngã ba cuối bản Sủa, xã Sơn Điện.

5. Quy mô xây dựng

- Phần đường: Nâng cấp, cải tạo đảm bảo quy mô đường GTNT cấp B theo TCVN 10380:2014; chiều rộng nền đường $B_n=5m$, mặt đường $B_m=3,5m$, lề đất $B_{ld}=2 \times 0,75=1,5m$; vận tốc thiết kế $V_{tk}=20km/h$; mặt đường bê tông và láng nhựa; tần suất thiết kế nền đường, cống $P=4\%$; tải trọng thiết kế cống H30-XB80.

- Phần cầu: Xây dựng mới 01 cầu bản Sủa tại Km4+303,6 với sơ đồ nhịp $3 \times 24m$ có xét đến cây trôi; chiều rộng cầu $B_c=(0,3+3,5+0,3)m=4,1m$; tải trọng thiết kế HL93 và người đi bộ $3 \times 10^{-3}MPa$; tần suất thiết kế cầu $P=1\%$.

6. Địa điểm xây dựng: Thuộc địa phận xã Sơn Điện, huyện Quan Sơn.

7. Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: Theo danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng cho dự án đã được Chủ tịch UBND tỉnh chấp thuận tại Quyết định số 1942/QĐ-UBND ngày 29/5/2020.

8. Nhiệm vụ và khối lượng khảo sát

a) Khảo sát địa hình

- Sử dụng lại 02 điểm đường truyền hạng 4 và 32 điểm đường chuyên cấp 2 đã xây dựng trong bước lập dự án đầu tư; thủy chuẩn kỹ thuật, kiểm tra lại số liệu các mốc đường truyền.

- Đối với bình đồ tuyến, nút giao, cầu: Tận dụng lại số liệu bình đồ bước lập dự án đầu tư; chỉ tính công kiểm tra, cập nhật các thay đổi địa hình.

- Trắc dọc tuyến: Đo vẽ lại toàn bộ trắc dọc tuyến tỷ lệ 1/2000 và 1/200.

- Trắc ngang tuyến: Tận dụng toàn bộ số liệu khảo sát bước lập dự án, bổ sung đo vẽ trắc ngang tỷ lệ 1/200, phạm vi đo từ tim ra mỗi bên trung bình 20m đảm bảo khoảng cách giữa hai mặt cắt ngang trung bình là 12,5m.

- Khảo sát nút giao (01 nút ngã ba đầu tuyến): Đo vẽ lại trắc dọc các nhánh giao tỷ lệ 1/2000 và 1/200, chiều dài mỗi nhánh 75m; tận dụng toàn bộ số liệu

khảo sát đo vẽ trắc ngang bước lập dự án, bổ sung đo vẽ trắc ngang tỷ lệ 1/200 đảm bảo 08 mặt cắt ngang/01 nhánh giao (gồm cả 04 mặt cắt bước dự án), phạm vi từ tim nhánh giao ra mỗi bên trung bình 20m.

- Khảo sát đường ngang (05 đường): Đo vẽ trắc dọc tỷ lệ 1/2000 và 1/200, chiều dài đo vẽ mỗi đường ngang 30m; đo vẽ trắc ngang tỷ lệ 1/200, gồm 03 mặt cắt ngang/01 đường ngang, phạm vi từ tim ra mỗi bên trung bình 10m.

- Đối với cầu (01 cầu bản Sửa): Đo vẽ lại trắc dọc cầu tỷ lệ 1/2000 và 1/200, phạm vi đo vẽ toàn bộ cầu là 85m. Đo vẽ trắc dọc tuyến tránh đảm bảo thi công tỷ lệ 1/2000 và 1/200, chiều dài tuyến tránh 150m; đo vẽ 13 trắc ngang tuyến tránh (12,5m/01 mặt cắt), phạm vi đo từ tim tuyến tránh về mỗi phía 10m.

- Khảo sát các hư hỏng để sửa chữa 02 tràn liên hợp cống bản B=4m tại Km0+305,8 và cống bản B=5,4m tại Km3+307,6 hiện trạng.

- Khảo sát nút giao (01 nút đầu tuyến): Đo vẽ lại trắc dọc các nhánh giao tỷ lệ 1/2000 và 1/200, chiều dài mỗi nhánh 50m; tận dụng toàn bộ số liệu khảo sát đo vẽ trắc ngang bước lập dự án, bổ sung đo vẽ trắc ngang tỷ lệ 1/200 đảm bảo 05 mặt cắt ngang/01 nhánh giao, phạm vi từ tim ra mỗi bên trung bình 15m.

- Khảo sát đường ngang (07 đường): Đo vẽ trắc dọc tỷ lệ 1/2000 và 1/200, chiều dài đo vẽ mỗi đường ngang 30m; đo vẽ trắc ngang tỷ lệ 1/200, gồm 03 mặt cắt ngang/01 đường ngang, phạm vi từ tim ra mỗi bên trung bình 10m.

b) Khảo sát địa chất

- Đối với nền đường: Tận dụng toàn bộ số liệu khảo sát bước lập dự án, khoan bổ sung 01 lỗ khoan/01km (gồm 05 lỗ khoan); chiều sâu 06m/01 lỗ khoan; mỗi lỗ khoan lấy 03 mẫu thí nghiệm, chiều sâu lấy mẫu 02m/01 mẫu; thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý 02 mẫu/01 lỗ khoan.

- Đối với cầu: Tận dụng toàn bộ số liệu khảo sát bước lập dự án, khoan bổ sung 01 lỗ tại trụ cầu; chiều sâu dự kiến 20m, điều kiện kết thúc lỗ khoan đảm bảo theo quy định của tiêu chuẩn 22 TCN 263:2000 và TCVN 11823-10:2017; khoan 02m lấy 01 mẫu để thí nghiệm và SPT; thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý 08 mẫu.

c) Khảo sát thủy văn: Khảo sát thủy văn tại vị trí xây dựng cầu, cống; khối lượng điều tra, thu thập số liệu thủy văn là 03 công bậc 4/7.

d) Công tác khác: Điều tra, thu thập số liệu về mỏ vật liệu, bãi đổ thải và các nội dung khác; khối lượng 03 công bậc 4/7.

9. Nhiệm vụ lập thiết kế bản vẽ thi công

Lập thiết kế bản vẽ thi công theo phạm vi, quy mô xây dựng dự án đảm bảo phù hợp với thiết kế cơ sở và danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho dự án đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1942/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 và quy định khác của pháp luật về đầu tư.

10. Lập hồ sơ và cấm cọc giải phóng mặt bằng (GPMB)

- Quy cách cọc: Gồm 02 loại, cọc bằng bê tông và cọc bằng Tre; cụ thể:

+ Cọc bê tông: Thân cọc bằng BTCT M200, kích thước (12x12x90)cm, sơn màu trắng, 8cm đầu cọc sơn đỏ, khắc chữ “Cọc GPMB” là loại chữ chìm, tô sơn đỏ; chữ tên cọc được viết bằng sơn màu đỏ; cọc được chôn sâu xuống đất 50cm và lấp trả lại bằng đất đầm chặt $K \geq 0,95$.

+ Cọc Tre: Thân cọc tre có đường kính $D = (6-10)$ cm, chiều dài $L = 70$ cm, 10 cm đầu cọc sơn đỏ; cọc được đóng sâu 35cm xuống đất.

- Phạm vi cấm cọc theo chiều dọc tuyến: Cấm cọc bằng bê tông với khoảng cách cọc trung bình 100m/01 cọc và cấm cọc Tre giữa 02 cọc bê tông; 02 vị trí cầu, cống bản làm mới khẩu độ $B = 3,4$ m cấm 04 cọc bê tông mỗi bên.

- Phạm vi cấm cọc theo phương ngang tuyến: Cấm cọc hai bên tuyến hết phạm vi đất của đường bộ; cấm từ chân taluy nền đường đắp hoặc đỉnh taluy nền đường đào, mép ngoài cùng công trình của hệ thống thoát nước dọc, thoát nước ngang ra mỗi bên là 1,0m; đối với cầu cấm theo mặt bằng bố trí công trường đảm bảo mặt bằng thi công cầu và hạn chế khối lượng giải phóng mặt bằng.

- Khối lượng: 218 cọc (cọc bằng BTCT là 118 cọc, bằng Tre là 100 cọc).

11. Dự toán chi phí phê duyệt là: **980.394.000 đồng**.

(Chín trăm tám mươi triệu, ba trăm chín mươi tư nghìn đồng)

Trong đó:

- Chi phí khảo sát bước lập BVTC : 376.242.000 đồng.
- Chi phí lập thiết kế, dự toán : 479.693.000 đồng.
- Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát : 11.287.000 đồng.
- Chi phí giám sát công tác khảo sát : 15.321.000 đồng.
- Chi phí lập hồ sơ, cấm cọc GPMB : 97.851.000 đồng.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

12. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn theo Quyết định số 1942/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.

13. Giá các gói thầu phê duyệt là: **969.107.000 đồng**.

(Chín trăm sáu mươi chín triệu, một trăm linh bảy nghìn đồng)

Trong đó:

Đơn vị: Đồng.

STT	Khoản mục chi phí	Theo Quyết định số 2587/QĐ-UBND ngày 03/7/2020	Giá trị gói thầu phê duyệt	Tăng, giảm
1	Gói thầu số 01: Tư vấn khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán và cấm cọc GPMB	1.629.693.000	953.786.000	-675.907.000
2	Gói thầu số 02: Giám sát khảo sát bước thiết kế bản vẽ thi công	38.684.000	15.321.000	-23.363.000
Giá các gói thầu		1.668.377.000	969.107.000	-699.270.000

Điều 2. UBND huyện Quan Sơn tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng. Trong quá trình triển khai bước tiếp theo, có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại báo cáo thẩm định số 3227/SGTVT-TĐKHKT ngày 04/8/2020.

Điều 3. Giá gói thầu số 01, số 02 tại Quyết định này thay thế giá gói thầu trong Quyết định số 2587/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Quan Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, VX_{30a126}

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Đăng Quyền

**PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ KHẢO SÁT, LẬP THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG;
LẬP HỒ SƠ VÀ CẤM CỌC GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG**

Dự án: Đường giao thông từ Quốc lộ 217 đi bản Sủa, xã Sơn Điện, huyện Quan Sơn (chương trình 30a).

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Hạng mục chi phí	Ký hiệu	Phương pháp xác định			Thành tiền (Đồng)
I	Chi phí khảo sát xây dựng	Gks				376.242.000
1	Chi phí trực tiếp	T	VL+NC+M			186.404.341
1.1	Chi phí vật liệu	VL	Dự toán chi tiết			16.765.867
1.2	Chi phí nhân công	NC				160.811.256
1.3	Chi phí máy thi công	M				8.827.218
2	Chi phí gián tiếp	GT	C+LT			127.480.226
2.1	Chi phí chung	C	70%	x	160.811.256	112.567.879
2.2	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công, chi phí không xác định được khối lượng từ thiết kế, chi phí gián tiếp khác	LT	8%	x	186.404.341	14.912.347
3	Thu nhập chịu thuế tính trước	TL	6%	x	313.884.567	18.833.074
4	Chi phí khác phục vụ công tác khảo sát	Cpvks				9.320.217
4.1	Chi phí lập phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng	Cpa	2%	x	186.404.341	3.728.087
4.2	Chi phí lập báo cáo kết quả khảo sát xây dựng	Cbc	3%	x	186.404.341	5.592.130
	Giá trị dự toán khảo sát trước thuế	Gkstt	T+GT+TL+Cpvks			342.037.858
5	Thuế giá trị gia tăng	GTGT	10%	x	342.037.858	34.203.786
	Giá trị khảo sát sau thuế	Gksst	Gkstt + GTGT			376.241.644
II	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát	Gnv	3%	x	376.242.000	11.287.000
III	Chi phí giám sát công tác khảo sát	Ggs	4,072%	x	376.242.000	15.321.000
IV	Chi phí lập hồ sơ và cấm cọc giải phóng mặt bằng	GPMB				97.851.000
1	Chi phí lập hồ sơ thiết kế hạng mục cấm cọc GPMB	Glhs	1,153%	x1,1x	31.939.091	405.000
2	Chi phí xác định vị trí cấm cọc GPMB	Gxl	Dự toán chi tiết			62.313.000
3	Chi phí sản xuất và cấm cọc GPMB	Gxl				35.133.000
V	Chi phí lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	Gtk	1,153%	x1,1x	37.821.691.818	479.693.000
TỔNG CỘNG CHI PHÍ			I+II+III+IV+V			980.394.000